TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2017/DSPT
Ngày: 21/9/2017
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Luận.

Ông Nguyễn Đắc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Quang Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2017/TLPT-DS ngày 20 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự số: 07/2017/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2017/QĐPT-DS ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Kinh T, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số nhà 36, phố T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội - Có mặt.

- *Bị đơn:* 1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980.

2. Anh Nguyễn Khắc H, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Khu B, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Chị H ủy quyền cho anh H đại diện tham gia tố tụng (theo văn bản ủy quyền ngày 20/9/2017) - Có mặt.

Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Khắc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Phía nguyên đơn là ông Lê Kinh T trình bày: Vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Khắc H có cửa hàng bán buôn bán lẻ quần áo tại số 01 phố C, quận H, Hà Nội mang tên H H có mối quan hệ buôn bán, thân thiết với gia đình ông khoảng gần 20 năm. Trên thực tế cửa hàng kinh doanh của Chị H làm ăn phát đạt và có doanh thu, vợ chồng Chị H là người làm ăn có uy tín tại khu vực chợ Đ, Hà Nội. Do từ năm 2007, nhiều lần Chị H hỏi vay tiền ông để làm vốn kinh doanh cho cửa hàng của vợ chồng chị thì vợ chồng ông đều đồng ý. Ngoài khoản vay của vụ kiện trước thì ngày 28/6/2015 ông còn cho vợ chồng Chị H vay 1.420.000.000đ. Khi vay Chị H có viết giấy biên nhận cho ông, đôi bên có thỏa thuận lãi nhưng thỏa thuận bằng miệng. Do không trả được theo thỏa thuận nên ngày 03/11/2015 vợ chồng Chị H cùng ký giấy khất nợ cho ông. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng Chị H anh H có trách nhiệm trả cho ông 1.420.000.000đ tiền gốc và lãi tính từ thời điểm vay tháng 18/6/2015 cho đến nay theo quy định của pháp luật.

Phía bị đơn chị Nguyễn Thị H cho rằng: Vợ chồng chị có cửa hàng buôn bán kinh doanh mang tên H H tại số 01 C, Hà Nội. Trên thực tế Chị H là người trực tiếp quản lý việc kinh doanh, buôn bán và các quan hệ kinh doanh khác phát sinh liên quan tới cửa hàng. Chị thừa nhận, ngày 18/6/2015 có vay của ông T số tiền 1.420.000.000đ, theo chị đây là số tiền lãi phát sinh từ khoản vay trước đó của chị với ông T. Hiện chị không lưu giữ được chứng cứ gì thể hiện số tiền này là khoản lãi nhưng chị xin ông T cho vợ chồng chị được trả dần số tiền trên và lãi phát sinh.

Anh Nguyễn Khắc H trình bày: Anh biết vợ anh là Chị H có vay tiền của ông T từ nhiều năm để làm vốn kinh doanh, nhưng anh không biết số tiền cụ thể mà Chị H đã vay là bao nhiêu. Đến năm 2015, anh có biết Chị H vay của ông T số tiền cả nợ gốc và lãi là 6 tỷ đồng, anh cho rằng số tiền 1.420.000.000đ mà hai vợ chồng anh đã ký nhận khất nợ là số tiền lãi do ông T tính toán từ các khoản vay trước mà vợ chồng anh chưa trả được. Anh xác nhận vợ chồng anh có trách nhiệm trả dần số nợ trên cho ông T. Anh cho rằng việc Chị H vay tiền là việc riêng của chị, anh không biết và cũng không được sử dụng số tiền đó. Nhưng anh vẫn thừa nhận Chị H vay tiền để làm vốn kinh doanh cho cửa hàng, anh xác định có trách nhiệm hỗ trợ Chị H trong việc trả nợ.

Từ nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm đã căn cứ Điều 290, 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 25, 27, 30 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử:

Buộc anh Nguyễn Khắc H, chị Nguyễn Thị H phải trả ông Lê Kinh T 1.420.000.000đ tiền gốc và 244.950.000đ tiền lãi. Tổng cộng anh Nguyễn Khắc

H, chị Nguyễn Thị H phải trả cho ông Lê Kinh T số tiền gốc và lãi là 1.664.950.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/6/2017, chị Nguyễn Thị H kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị xem xét lại số nợ gốc và lãi, chị sẽ chịu trách nhiệm trả nợ ông T.

Ngày 06/6/2017, anh Nguyễn Khắc H kháng cáo không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm về trách nhiệm trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Khắc H do anh H đại diện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông Lê Kinh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS xử không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Khắc H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

Do có mối quan hệ buôn bán thân thiết và có uy tín nhiều năm nên ông Lê Kinh T có cho vợ chồng chị Nguyễn Thị H vay tiền nhiều lần để làm vốn kinh doanh, cụ thể ngày 18/6/2015 ông T cho Chị H vay 1.420.000.000đ. Khi vay Chị H là người viết và ký vào giấy biên nhận vay tiền, đến ngày 03/11/2015 anh H và Chị H đã khất nợ đến cuối tháng 11/2015 vợ chồng anh chị sẽ trả ông T số tiền trên. Do đó bản án sơ thẩm đã xử buộc vợ chồng Chị H và anh H phải trả ông T 1.420.000.000đ tiền gốc và 244.950.000đ tiền lãi.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/6/2017 chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Khắc H kháng cáo bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Khắc H thì thấy: Đối với cửa hàng kinh doanh mang tên H H tại số 01 phố C, phường Đ, Hà Nội. Bản án sơ thẩm nhận định, đây là cửa hàng buôn bán kinh doanh của cả hai vợ chồng, trong đó Chị H là người quản lý và trực tiếp tham các mối quan hệ kinh doanh của cửa hàng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/5/2017, anh H khai vợ chồng anh có cửa hàng buôn bán mang tên H H tại số 01 phố C từ năm 2011 (BL 38) được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, đây cũng là nơi mưu sinh kiếm

sống, phát triển kinh tế, bảo đảm đời sống của gia đình của anh chị. Theo quy định tại Điều 25, 27, 30 Luật Hôn nhân và gia đình thì Chị H là người đại diện tham gia vào các quan hệ kinh doanh liên quan tới cửa hàng H H và anh H có trách nhiệm liên đới đối với các giao dịch do Chị H thực hiện.

Mặt khác, việc vay mượn số tiền 1.420.000.000đ được chứng minh bằng giấy biên nhận ngày 18/6/2015 mang tên H H - Số 01 C do Chị H ký nhận. Đến ngày 03/11/2015 anh H và Chị H cùng viết vào mặt sau của giấy vay tiền nội dung khất nợ đến cuối tháng 11 sẽ trả ông T khoản tiền trên. Như vậy việc Chị H vay tiền của ông T, anh H biết và đã cùng cam kết trả nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc anh H, Chị H cùng có trách nhiệm trả cho ông T số tiền gốc là 1.420.000.000đ là có căn cứ pháp luật. Về khoản tiền lãi thì các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng có tranh chấp về lãi suất. Do đó bản án sơ thẩm đã áp dụng Điều 476 Bộ Luật dân sự năm 2005 buộc Chị H, anh H phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm giao kết cũng là phù hợp pháp luật. Anh H kháng cáo rằng đây là số tiền lãi của một khoản vay khác do ông T cộng ra sau nhiều tháng chưa lấy và Chị H ký nhận như một khoản vay mới, anh cho rằng bản án sơ thẩm tuyên buộc vợ chồng anh trả số tiền gốc và lãi là không có căn cứ, anh xác định trách nhiệm trả nợ là của Chị H. Chị H kháng cáo cho rằng, số tiền chị vay là thỏa thuận riêng của chị với ông T, không liên quan tới anh H vì vậy chị sẽ trả số nợ trên. Tuy nhiên trong quá trình thụ lý giải quyết và tại phiên tòa phúc thẩm, anh H và Chị H không đưa ra được tài liệu chứng minh cho kháng cáo của mình. Do đó kháng cáo của anh H, Chị H là không có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Khắc H, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 290, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự; Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 25, 27, 30 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc anh Nguyễn Khắc H, chị Nguyễn Thị H phải trả ông Lê Kinh T 1.420.000.000đ tiền gốc và 244.950.000đ tiền lãi. Tổng cộng anh Nguyễn Khắc H và chị Nguyễn Thị H phải trả cho ông Lê Kinh T số tiền gốc và lãi là 1.664.950.000đ.

Về án phí: Anh Nguyễn Khắc H, chị Nguyễn Thị H phải chịu 30.974.250đ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Khắc H và chị Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. (Xác nhận anh H, Chị H mỗi người đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 00150 và 00153 ngày 07/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

Hoàn trả ông Lê Kinh T 31.773.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 01905 ngày 21/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Kể từ khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND TP Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP Bắc Ninh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Tính